

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2018/KDTM-ST**
Ngày: 30/10/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công
xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu.
2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:

Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 10/2018/TLST-KDTM ngày 27/02/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL

Trụ sở: Số 55 P, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang C-Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành C, sinh năm 1977 (Có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 04/UQL ngày 29/01/2018)

Địa chỉ: 282 N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH W.E.C

Trụ sở: Tầng 1, số 24-26 Đường số 9A, KDC T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SEOW Kim C-chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Kim T- Chức vụ: Kế toán (Có mặt)

Theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]-Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành C trình bày có nội dung:

[1.1]-Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu Công ty TNHH W.E.C phải thanh toán số tiền còn nợ hợp đồng theo Hợp

đồng thầu phụ P4068/TL/004/VN ngày 20/11/2012 là: **1.265.629.247** đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Phần nợ còn lại sau ngày 10/5/2016 là: 350.360.000 đồng + 915.269.247 đồng (là 10% tiền bảo hành chưa thanh toán).

- Tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1% do chậm thanh toán tính từ 01/01/2014 sau khi quyết toán ngày 30/12/2013 như sau:

Số tiền bị tính lãi	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày tính lãi	Lãi suất	Số tiền lãi phải trả
1,302,840,845	01/01/2014	25/6/2014	175	1%	75.999.049
1,000,360,000	26/6/2014	08/10/2014	104	1%	34.6679.147
850,360,000	09/10/2014	10/5/2016	579	1%	164.119.480
350,360,000	11/5/2016	24/01/2018	623	1%	72.758.093
915,269,247	01/01/2015	24/01/2018	1.119	1%	341.395.429
Tổng cộng					688.951.198

Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[1.2]-Cơ sở và căn cứ pháp lý mà nguyên đơn yêu cầu:

-Căn cứ vào hợp đồng phụ P4068/TL/004/VN ngày 20/11/2012. **[BL 104]**

-Căn cứ vào biên bản quyết toán ngày 30/12/2013.**[BL 121]**

-Căn cứ vào quá trình thanh toán nợ của bị đơn sau ngày 30/12/2013: Các giấy báo có của Ngân hàng gồm: Giấy báo ngày 25/6/2014, ngày 08/10/2014, ngày 10/5/2016.**[BL 112 đến 114]**

-Căn cứ vào sự thừa nhận của đại diện theo ủy quyền của Bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án.**[BL 134 đến 139]**

[2]-Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Bị đơn Công ty TNHH W.E.C trình bày có nội dung:

-Bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ lại nguyên đơn là: **1.265.629.247** đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng). Bị đơn đồng ý thanh toán ngay cho nguyên đơn khi chủ đầu tư TAPECO thanh toán cho bị đơn.

-Đối với phần nợ lãi: 688.951.198 đồng, bị đơn không có khả năng thanh toán.

-Yêu cầu nguyên đơn xuất các hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn.

[3]-Tại phiên tòa:

-Các đương sự đồng ý việc thay đổi thành phần Hội đồng xét xử, kiểm sát viên. Các đương sự không phản đối việc tố tụng tại Tòa án. Nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và Bị đơn chưa có bất kỳ tranh chấp tại Trọng tài về nội dung đơn khởi kiện này. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn từ chối tố tụng theo Trọng tài.

-Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

-Bị đơn xác định trước đây Thẩm phán khi làm việc với bà Hồ Kim T-đại diện theo ủy quyền của Bị đơn đã yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn phải có văn bản xác định cho phép Nguyên đơn khởi kiện ra Trọng tài hay không để Tòa án tiếp tục giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, hiện nay bà T không liên lạc được với người đại

diện theo pháp luật của Công ty TNHH W.E.C tại Singapore nên không thể có văn bản xác định việc có chấp thuận cho nguyên đơn khởi kiện ra Trọng tài hay không.

-Bị đơn xác định biên bản quyết toán giữa hai bên vào ngày 30/12/2013 là chính xác. Bị đơn cũng thừa nhận, ngày 17/3/2016 thì phía Chủ đầu tư TAPECO đã cấp giấy chứng nhận hoàn thành hợp đồng chính và chứng nhận chất lượng, các giấy này Nhà thầu chính (Bị đơn) đang giữ.

-Nguyên đơn xác định đã có công văn yêu cầu bị đơn xác định có cho phép nguyên đơn khởi kiện ra trọng tài hay không nhưng đến nay phía bị đơn không có hồi âm. Nguyên đơn xác định thỏa thuận trọng tài giữa hai bên không hạn chế quyền của nguyên đơn khi khởi kiện tại Tòa án vì thỏa thuận này chỉ xác định là “*Tất cả tranh chấp của hợp đồng này có thể nhờ đến trọng tài*” và việc đợi xác nhận đồng ý việc chấp thuận khởi kiện ra trọng tài từ phía Bị đơn là không thể thực hiện được.

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ gốc: 1.265.629.247 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*). Nguyên đơn xác định tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 24/01/2018 và tính lại theo mức 7%/ năm theo đề xuất của bị đơn là 401.888.199 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi chín đồng*), miễn lãi chậm thanh toán từ ngày 25/01/2018 đến khi có bản án sơ thẩm. Lãi chậm thanh toán sẽ tiếp tục tính từ ngày có bản án sơ thẩm cho đến khi thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cũng theo mức lãi suất 7%/ năm theo đề xuất của bị đơn. Nguyên đơn sẽ xuất các hóa đơn cho bị đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu bị đơn thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

-Bị đơn giữ nguyên các quan điểm đã trình bày trong quá trình tố tụng. Bị đơn xác định đồng ý mức lãi suất chậm thanh toán là 7%/ năm. Đề nghị nguyên đơn miễn lãi chậm thanh toán vì hoàn cảnh của bị đơn đang gặp khó khăn.

[3.1]-*Các đương sự đã thỏa thuận được các nội dung sau:*

+Hai bên từ chối tố tụng tại Trọng tài.

+Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền: 1.265.629.247 đồng (*Một tỷ hai trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng*).

+Hai bên thống nhất mức lãi chậm thanh toán thống nhất theo mức 7%/ năm. Số tiền lãi được tính lại là: 401.888.199 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi chín đồng*).

[3.2]-*Các đương sự đã không thỏa thuận được các nội dung sau:*

+Thời điểm thanh toán nợ: Bị đơn sẽ thanh toán số tiền 1.265.629.247 đồng ngay khi có tiền trong khi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+Số tiền lãi 401.888.199 đồng (*Bốn trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi chín đồng*), Bị đơn không đồng ý thanh toán phần lãi này vì không có khả năng thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và kết luận của đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Bình Chánh về việc chấp hành pháp luật tố tụng và nội dung của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[4]-*Thẩm quyền loại việc, giải quyết:*

-Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành C khởi kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng với Công ty TNHH W.E.C. Đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

-Trong hợp đồng thầu phụ P4068/TL/004/VN ngày 20/11/2012, hai bên có thỏa thuận điều khoản 25 Trọng tài có điều kiện như sau: “All disputes under this Subcontract **can be referred to** arbitration but prior consent from the Company must be obtained. However, the Company **shall have the right** to refer to arbitration for all disputes under this Subcontract whenever deemed appropriate by the Company”

Dịch: “Tất cả những tranh chấp của hợp đồng phụ này **có thể** được nhờ đến trọng tài phân xử nhưng sự thỏa thuận giữa Công ty và Nhà thầu phụ phải được ưu tiên trước. Tuy nhiên, Công ty có quyền nhờ đến trọng tài phân xử cho tất cả tranh chấp trong hợp đồng này bất cứ khi nào Công ty cho rằng thích hợp và sự thỏa thuận các bên không đi đến thống nhất”.

Điều 26 quy định: “This Subcontract document is written in both Vietnamese and English languages, for ease of reference. Any discrepancy between the two, the English version shall prevail”.

Dịch: “Bản hợp đồng thầu phụ này được viết bằng hai ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh để dễ dàng tham khảo. Bất kỳ sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ thì phiên bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên”.

-Hội đồng xét xử xét thấy hai bên đương sự có thỏa thuận trọng tài, tuy nhiên đây là thỏa thuận trọng tài không cân xứng. Trong thỏa thuận trọng tài này: Nhà thầu Phụ(nguyên đơn trong vụ kiện này) nếu muốn khởi kiện Công ty (nhà thầu chính và cũng là bị đơn trong vụ kiện này) ra Trọng tài thì phải được sự đồng ý của bị đơn hoặc phải có sự thỏa thuận trước với Nhà thầu chính(bị đơn). Trong khi đó, Nhà thầu chính(bị đơn) có quyền khởi kiện ra trọng tài đối với Nhà thầu phụ(nguyên đơn) bất cứ khi nào.

Thỏa thuận trọng tài này chỉ hạn chế quyền của Nhà thầu phụ khi khởi kiện ra Trọng tài thì phải được sự đồng ý hoặc phải có sự thỏa thuận trước của Nhà thầu chính, nhưng không giới hạn hoặc loại bỏ hoàn toàn quyền khởi kiện trước Tòa án bằng một thỏa thuận bắt buộc tất cả các tranh chấp từ Hợp đồng phụ này phải được giải quyết bằng Trọng Tài. Mặt khác, Điều 26 của Hợp đồng phụ cũng chọn tiếng Anh là ngôn ngữ được chọn ưu tiên để hiểu và giải thích hợp đồng, theo đó từ “**Can be**” có nghĩa là “**Có thể**” trong khi từ “**Shall be, shall have**” mới có nghĩa là “**bắt buộc**”. Vì vậy, căn cứ vào những lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa cũng như các Điều 25 trong Hợp đồng phụ (tại câu 1) thì thỏa thuận trọng tài này không mang tính bắt buộc với Nhà thầu phụ và thực tế cũng không thể thực hiện được thỏa thuận trọng tài (thỏa thuận lại hoặc thỏa thuận mới) vì hiện nay phía bị đơn không hỏi âm về việc đồng ý lựa chọn Trọng tài, không liên lạc được với người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Các bên đương sự đều thừa nhận các bên chưa từng yêu cầu Trọng Tài giải quyết về vụ việc này tính đến thời điểm xét xử vụ án này.

-Căn cứ vào khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật trọng tài thương mại quy định: “*Trường hợp các bên vừa có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài, vừa có thỏa thuận giải quyết tranh chấp bằng Tòa án mà các bên không có thỏa thuận lại hoặc thỏa thuận mới về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này mà phát sinh tranh chấp thì xử lý như sau:*

a) Trường hợp người khởi kiện yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp khi Tòa án chưa thụ lý vụ án quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Tòa án căn cứ quy định tại Điều 6 Luật TTTM để từ chối thụ lý, giải quyết. Trong trường hợp này, khi nhận được đơn khởi kiện Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện, nếu đã thụ lý vụ án thì căn cứ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 192 BLTTDS ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện.

b) Trường hợp người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp, thì ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xác định một trong các bên đã yêu cầu Trọng tài giải quyết hay chưa.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện mà Tòa án xác định người bị kiện, người khởi kiện đã yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, **trường hợp người bị kiện, người khởi kiện chưa yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp thì Tòa án xem xét thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.**

Trường hợp Tòa án đã thụ lý vụ án mà phát hiện tranh chấp đã có yêu cầu Trọng tài giải quyết trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì Tòa án căn cứ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 192 BLTTDS ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện”.

Từ những căn cứ trên cho thấy, đủ cơ sở để xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[5]-*Thẩm quyền lãnh thổ:*

Công ty TNHH W.E.C có đăng ký trụ sở chính tại Tầng 1, số 24-26 Đường 9A, KDC T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung:

[6] -*Về yêu cầu của nguyên đơn:* Hội đồng xét xử xét thấy:

-Căn cứ nội dung mà các đương sự đã thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa về số tiền nợ tính đến ngày 24/01/2018, hai bên thống nhất số tiền nợ là: 1.265.629.247 Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận của các đương sự về số tiền nợ.

-Bị đơn tuy không đồng ý trả lãi nhưng thống nhất mức lãi suất chậm thanh toán là 7%/ năm với nguyên đơn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về mức lãi suất chậm thanh toán này.

-Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đối với phần miễn lãi chậm thanh toán từ ngày 25/01/2018 đến ngày tuyên án: 30/10/2018. Tiếp tục tính lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 7%/ năm.

-Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao hóa đơn giá trị gia tăng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho bị đơn.

[7]-*Về Ý kiến phản bác của bị đơn:*

-Bị đơn đồng ý thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn nhưng chỉ thanh toán khi nào bị đơn có tiền và khi nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã tự nguyện đồng ý giao các hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên ghi nhận nội dung này.

Việc Bị đơn cho rằng chỉ thanh toán nợ khi nào có tiền không phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng giữa hai bên cũng như về nghĩa vụ thanh toán khi công việc đã hoàn tất theo chứng chỉ do Chủ đầu tư cấp ngày 17/3/2016. Do đó, Không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của bị đơn.

-Về khoản lãi, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì mức lãi 7%/ năm do hai bên thỏa thuận là không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội nên ghi nhận mức lãi chậm thanh toán này để tính cho toàn bộ quá trình chậm thanh toán của bị đơn theo từng giai đoạn sau ngày 30/12/2013-ngày *quyết toán*. Do vậy, yêu cầu không thanh toán lãi hay miễn lãi của bị đơn không được chấp nhận.

[8]-*Về án phí*:

+Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

-Áp dụng Điều 50, 55, 292, 306 Luật thương mại năm 2005

-Áp dụng khoản 4 Điều 2 Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật trọng tài thương mại;

-Áp dụng NQ 326/UBTVQH quy định về án phí lệ phí Tòa án;

-Áp dụng Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể:

[9]- Ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc thống nhất số tiền nợ là: 1.265.629.247 và mức lãi chậm thanh toán là 7%/ năm.

[10]- Buộc bị đơn Công ty TNHH W.E.C thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL số tiền 1.265.629.247 một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11]- Buộc bị đơn-Công ty TNHH W.E.C thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL số tiền lãi chậm thanh toán sau ngày 30/12/2013 đến ngày 24/01/2018 là: 401.888.199 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm chín mươi chín đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[12]- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đối với phần miễn lãi chậm thanh toán từ ngày 25/01/2018 đến ngày tuyên án: 30/10/2018.

[13]- Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng TL đồng ý giao hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn-Công ty TNHH W.E.C ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[14]- Tiếp tục tính lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày tuyên án (30/10/2018) cho đến khi thi hành xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất 7%/ năm.

[15]-*Về án phí*:

Buộc bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 62.014.723 đồng.

Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí đã nộp là: 35.318.707 đồng đã nộp theo biên lai tạm thu án phí số AA/2017/0031485 ngày 09/02/2018.

Thi hành án tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[16]-*Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/10/2018).

[17]- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM (1);
- Đương sự (2);
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC (2);
- Chi cục Thi hành án DS H.BC (1);
- Lưu hồ sơ vụ án(2), VP (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Vân